

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH**  
**TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**  
**GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 328 /KH-UBND ngày 09 /6/2026 của UBND thành phố)*

| STT      | Nội dung thực hiện  | Cơ quan chủ trì<br>(địa phương) | Cơ quan<br>phối hợp          | Kết quả chính<br>(Giai đoạn<br>2026-2030)                         | Thời gian<br>thực hiện |
|----------|---|---------------------------------|------------------------------|---|------------------------|
| <b>I</b> | <b>Hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số</b>  |                                 |                              |   |                        |
| 1        | Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số theo quy định và hướng dẫn của Trung ương; tham gia góp ý hoàn thiện các văn bản liên quan khi có yêu cầu   | Sở KH&CN                        | Các sở ngành liên quan       | Văn bản góp ý gửi Trung ương                                      | 2026–2027              |
| 2        | Lồng ghép nội dung hỗ trợ chuyển đổi số vào các chương trình, đề án đang triển khai trên địa bàn như: đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm OCOP và các chương trình phát triển kinh tế số | Sở KH&CN                        | Các sở, ban, ngành liên quan | Nội dung chuyển đổi số được lồng ghép vào các chương trình, đề án | Hàng năm               |
| 3        | Rà soát, đề xuất cơ chế hỗ trợ phù hợp với điều kiện ngân sách địa phương, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (chiếm tỷ trọng lớn tại thành phố Huế) thuê, mua, sử dụng nền tảng số, phần mềm quản trị, giải pháp thương mại điện tử và an toàn thông tin.         | Sở Tài chính                    | Sở KH&CN                     | Cơ chế hỗ trợ địa phương được ban hành hoặc trình UBND thành phố  | 2026–2027              |
| 4        | Thực hiện nguyên tắc hỗ trợ có điều kiện, theo mức độ sẵn sàng và cam kết chuyển đổi số của doanh nghiệp; bảo đảm công khai, minh bạch, tránh dàn trải, trùng lặp.  | Sở KH&CN                        | Sở Tài chính                 | Quy trình hỗ trợ được xây dựng và công bố                         | Hàng năm               |

|            |  |          |                          |  |          |
|------------|--|----------|--------------------------|--|----------|
| <b>II</b>  | <b>Phát triển hạ tầng hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>   |          |                          |  |          |
| 1          | Triển khai, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông băng rộng 5G trên địa bàn   | Sở KH&CN | Doanh nghiệp viễn thông  | 100% phủ sóng băng rộng 5G                   | Hàng năm |
| 2          | Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi chuyển đổi số DNNVV của thành phố, phục vụ công tác quản lý, đánh giá và báo cáo                          | Sở KH&CN | Các sở ngành liên quan   | Hệ thống cơ sở dữ liệu vận hành              | Hàng năm |
| 3          | Thúc đẩy công khai, chia sẻ có kiểm soát dữ liệu chuyên ngành phục vụ doanh nghiệp bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ quy định pháp luật                    | Sở KH&CN | Sở Công Thương, Sở NN&MT | Dữ liệu chuyên ngành được công khai, chia sẻ | Hàng năm |
| 4          | Phát triển nền tảng đổi mới sáng tạo, tạo kênh kết nối doanh nghiệp với nhà đầu tư, chuyên gia, các đơn vị tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước                  | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan  | DNNVV được hỗ trợ kinh phí thuê hạ tầng      | Hàng năm |
| <b>III</b> | <b>Đánh giá mức độ sẵn sàng và xây dựng lộ trình chuyển đổi số</b>   |          |                          |  |          |
| 1          | Tổ chức các hoạt động triển khai công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ                | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan  | Công cụ đánh giá được triển khai và vận hành | Hàng năm |
| 2          | Phân loại doanh nghiệp theo mức độ sẵn sàng chuyển đổi số (mức khởi động, mức nâng cao, mức chuyển đổi toàn diện) làm căn cứ xây dựng giải pháp hỗ trợ phù hợp | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan  | DNNVV được phân loại mức độ                  | Hàng năm |
| 3          | Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi số theo từng mức độ, gắn với đặc thù ngành nghề và quy mô hoạt động   | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan  | Lộ trình chuyển đổi số được xây dựng         | Hàng năm |

|           |  |          |                         |  |          |
|-----------|--|----------|-------------------------|--|----------|
| 4         | Lồng ghép nội dung chuyển đổi xanh trong quá trình chuyển đổi số (giảm sử dụng giấy tờ, tối ưu năng lượng, minh bạch chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm)   | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan | Chuyển đổi xanh được tích hợp trong lộ trình           | Hàng năm |
| <b>IV</b> | <b>Hỗ trợ ứng dụng nền tảng số và giải pháp công nghệ</b>  |          |                         |  |          |
| 1         | Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ ứng dụng các nền tảng số cơ bản như: kế toán điện tử, hóa đơn điện tử, quản lý bán hàng, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt  | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan | Ít nhất 200 DNNVV được hỗ trợ ứng dụng nền tảng cơ bản | Hàng năm |
| 2         | Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thực phẩm, làng nghề, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử, mã QR, quản lý chất lượng, minh bạch thông tin sản phẩm; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng và công cụ quản lý tiên tiến tăng năng lực cạnh tranh doanh nghiệp | Sở KH&CN | Các sở, ngành liên quan | Ít nhất 50-100 DNNVV được hỗ trợ                       | Hàng năm |
| 3         | Hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ, du lịch ứng dụng nền tảng đặt phòng, marketing số, quản lý khách hàng và phân tích dữ liệu ở mức độ phù hợp   | Sở KH&CN | Sở Du lịch              | Ít nhất 50-100 DNNVV được hỗ trợ                       | Hàng năm |
| 4         | Hỗ trợ đánh giá, tư vấn, kiểm thử an toàn thông tin mạng theo quy mô doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về bảo mật dữ liệu và an toàn hệ thống   | Sở KH&CN | Các sở ngành liên quan  | Ít nhất 50-100 DNNVV được tư vấn an toàn thông tin     | Hàng năm |
| 5         | Khuyến khích doanh nghiệp đủ điều kiện thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, tự động hóa ở mức độ phù hợp với năng lực và nhu cầu thực tế. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo phục vụ chuyển đổi số DNNVV.         | Sở KH&CN | Sở Tài chính            | Ít nhất 50-100 DNNVV được hỗ trợ chuyên sâu            | Hàng năm |

|           |   |            |                                      |   |          |
|-----------|---|------------|--------------------------------------|---|----------|
| <b>V</b>  | <b>Phát triển nguồn nhân lực và mạng lưới tư vấn</b>  |            |                                      |   |          |
| 1         | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý và nhân sự nòng cốt của DNNVV  | Sở KH&CN   | Các sở ngành liên quan               | 10-20 khóa đào tạo/lớp bồi dưỡng được tổ chức     | Hàng năm |
| 2         | Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người lao động trong doanh nghiệp, gắn với nhu cầu thực tế của từng ngành nghề  | Sở KH&CN   | Các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã | Kỹ năng số cơ bản được phổ cập                    | Hàng năm |
| 3         | Hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số tại địa phương; huy động chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn tham gia hỗ trợ doanh nghiệp                          | Sở KH&CN   | Các sở ngành liên quan               | Ít nhất 10–20 tư vấn viên đạt chuẩn theo quy định | Hàng năm |
| 4         | Tăng cường kết nối doanh nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài địa phương nhằm hỗ trợ đổi mới công nghệ và chuyển giao giải pháp số | Sở KH&CN   | Các sở ngành liên quan               | Hoạt động kết nối được tổ chức                    | Hàng năm |
| <b>VI</b> | <b>Truyền thông, nhân rộng mô hình và hỗ trợ pháp lý</b>  |            |                                      |   |          |
| 1         | Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp   | Sở KH&CN   | Các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã | Ít nhất 02 sự kiện/năm                            | Hàng năm |
| 2         | Lựa chọn, tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp chuyển đổi số tiêu biểu hàng năm để tạo hiệu ứng lan tỏa   | Sở KH&CN   | Các sở, ngành liên quan              | Danh sách DNNVV tiêu biểu được tôn vinh           | Hàng năm |
| 3         | Hỗ trợ tư vấn pháp lý liên quan đến hợp đồng điện tử, bảo mật dữ liệu, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử và các nội dung liên quan đến chuyển đổi số                           | Sở Tư pháp | Sở KH&CN                             | Chương trình hỗ trợ pháp lý được triển khai       | Hàng năm |
| 4         | Xây dựng, duy trì chuyên trang thông tin về chuyển đổi số DNNVV của thành phố, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận   | Sở KH&CN   | Các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã | Chuyên trang thông tin được vận hành              | Hàng năm |